

Số: 343 /BC-MNHL

Phú Cường, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO CÔNG KHAI

Theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

I. Thông tin chung:

1. Tên cơ sở: TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

2. Địa điểm trụ sở chính: Số 67 khu phố 8, đường Hai Bà Trưng, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một

+ Cơ sở 2: Số 3-5, khu phố 10, đường Bàu Bàng, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một

+ Cơ sở 3: số 165 khu phố 7, đường Bàu Bàng, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một

- Điện thoại: 0274.3.826.205 Fax: không

- Website: www.mn-hoalan.tptdm.edu.vn

- Email: mn-hoalan@tptdm.edu.vn

3. Loại hình cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Công lập.

Chức năng: Hoạt động trong lĩnh vực giáo dục mầm non

Nhiệm vụ: Nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ từ 24 tháng đến 5 tuổi

- Nhà trường thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao là tổ chức thực hiện nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ 24-36 tháng đến 5-6 tuổi. Thực hiện phát triển chương trình giáo dục mầm non do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, nâng cao chất lượng về đội ngũ về trình độ, năng lực công tác và kỹ năng giảng dạy.

4. Sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu:

4.1 Sứ mệnh: Tạo dựng môi trường thân thiện, có kỷ cương, tình thương, trách nhiệm, chất lượng chăm sóc, giáo dục cao, giúp trẻ mầm non có nhiều cơ hội học tập, trải nghiệm để trẻ phát huy tích cực, sáng tạo, mạnh dạn tự tin vững bước vào tương lai.

4.2 Tầm nhìn: Một ngôi trường thân thiện, uy tín, chất lượng, trẻ luôn mạnh dạn, tự tin, sáng tạo, có kỹ năng giải quyết các vấn đề, có ý chí nỗ lực, biết yêu thương, quan tâm chia sẻ, hướng tới khẳng định được giá trị bản thân của mỗi đứa trẻ.

4.3 Mục tiêu: Xây dựng nhà trường thân thiện, có uy tín về chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.



5. Quá trình hình thành và phát triển:

- Ngày 08/3/1976 Thành lập Nhà trẻ 8/3 theo Quyết định số/QĐ - UB của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Năm 1989 Nhà trẻ 8/3 tiếp thu cơ sở mẫu giáo Hoa Hồng chuyển đổi mô hình thành trường mầm non bán công Hoa Lan

- Ngày 23/03/2007 Chuyển đổi Trường mầm non bán công Hoa Lan từ loại hình bán công sang công lập theo QĐ số 378/QĐ-UBND của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Ngày 29/5/2020 Chuyển đổi loại hình trường Mẫu Giáo Hoa Lan sang loại hình trường mầm non từ ngày 01/6/2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND của UBND Thành phố Thủ Dầu Một.

- Ngày 24/11/2023 Trường Mầm Non Hoa Lan tiếp nhận trường mầm non 1/6 sáp nhập vào theo quyết định số 4373/QĐ-UBND kể từ ngày 01/12/2023

- Năm 1996 trường đã được Ngành đầu tư xây dựng hoàn thành mới (gồm 1 trệt – 1 lầu) với tổng diện tích toàn trường 810.37m² và đưa vào hoạt động.

- Năm 1998 Chủ tịch nước tặng Huân chương lao động Hạng 3

- Tháng 10/2007 Trường đạt chuẩn quốc gia dạng nông thôn – thành thị

- 07/2010 đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

- 01/2015 đạt chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3

- 2015-2016: được UBND Tỉnh Bình Dương tặng Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc. Bộ Giáo dục Đào tạo tặng bằng khen

- 2016-2017 : UBND Tỉnh Bình Dương tặng danh hiệu tập thể LĐXS, Thủ tướng Chính Phủ tặng bằng khen

- 07/2017 tái công nhận chuẩn quốc gia mức độ 2

- 2017-2018: UBND Tỉnh Bình Dương tặng bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- 2018-2019: UBND Tỉnh Bình Dương tặng bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- 2019-2020: UBND Tỉnh Bình Dương tặng bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- 2020-2021: UBND TPTDM khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến - Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- 2021-2022: UBND TPTDM khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến - Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Năm học 2021-2022: Trường Đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số: 1670/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Bình Dương.

- Năm học 2021-2022: Trường đạt Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2 theo Quyết định số 964/QĐ-SGDĐT ngày 05/7/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo

- Năm 2022-2023 : UBND TPTDM khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến - Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

- Năm 2022-2023 : UBND Tỉnh Bình Dương tặng bằng khen Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

- Năm 2023-2024 : UBND TPTDM khen tặng Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến - Hoàn thành tốt nhiệm vụ.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Họ và tên: Trần Minh Châu
- Chức vụ: Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hoa Lan, số 67 khu phố 8, đường Hia Bà Trung, phường Phú Cường, thành phố Thủ Dầu Một
- Số điện thoại: 0931478468
- Email: minhchau8414@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

- Ngày 08/3/1976: Thành lập Nhà trẻ 8/3 theo Quyết định số: / QĐ - UB của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Từ 23/3/2007 đến 28/5/2020: Trường Mẫu giáo Hoa Lan, Thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Quyết định số: 378/QĐ-UBND của UBND thị xã Thủ Dầu Một

- Ngày 29/5/2020 Chuyển đổi loại hình trường Mẫu Giáo Hoa Lan sang loại hình trường mầm non từ ngày 01/6/2020 theo Quyết định số 1788/QĐ-UBND của UBND Thành phố Thủ Dầu Một

- Nhà trường thực hiện kiện toàn các thành viên Hội đồng trường (nếu thay đổi nhân sự) và được UBND thành phố công nhận. Năm 2024, các thành viên Hội đồng trường gồm 11 thành viên:

STT	Giới tính	Họ và tên	Chức vụ	Chức danh	Nhiệm kỳ
1	Bà	Trần Minh Châu	Hiệu trưởng - BTCB	Chủ tịch Hội đồng	2024-2028
2	Bà	Phạm Thị Kiều	P. Hiệu trưởng	Thành viên	2024-2028
3	Bà	Tạ Trung Hiếu	PCT UBND P. Phú Cường	Thành viên	2024-2028
4	Bà	Trịnh Huy Cẩn	TB.CMHS	Thành viên	2024-2028
5	Ông	Nguyễn Thị Phi Liên	Chủ tịch công đoàn	Thành viên	2024-2028
6	Bà	Phùng Thị Hưng	TB.TTND	Thành viên	2024-2028

7	Bà	Hoàng Thị Lệ	TTCM khối Mầm - nhà trẻ	Thành viên - Thư ký HĐT	2024-2028
8	Bà	Hồ Phan Ánh Phương	TTCM khối Lá	Thành viên	2024-2028
9	Bà	Nguyễn Thị Ngọc Mai	TTCM khối Chồi	Thành viên	2024-2028
10	Bà	Nguyễn Thị Tuyết Sương	TT tổ CD	Thành viên	2024-2028
11	Bà	Huỳnh Thị Thanh Tâm	TT tổ VP	Thành viên	2024-2028

- Năm học 2024-2025 đội ngũ CBGVNV nhà trường có 30 người trong đó: 01 Hiệu trưởng; 02 Phó Hiệu trưởng; 16 giáo viên; 02 viên chức (kế toán, văn thư) và 09 nhân viên (04 bảo vệ; 5 cấp dưỡng). Có 01 giáo viên biệt phái về PGD.

+ Hiệu trưởng: Bà Trần Minh Châu – Quyết định số 3941/QĐ-UBND ngày 31/8/2022

+ Phó Hiệu trưởng: Trương Quốc Quốc - Quyết định số: 3956/QĐ-UBND ngày 31/8/2022

+ Phó Hiệu trưởng: Phạm Thị Kiều - Quyết định số: 5335/QĐ-UBND ngày 11/12/2024

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo				
			Ths	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC
	Tổng số giáo viên, CBQL và nhân viên	30	0	14	6	1	9
I	Cán bộ quản lý	3	0	3	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1		1			
2	Phó hiệu trưởng	2		2			
II	Giáo viên	16		11	5		
1	Nhà trẻ	4		2			
2	Mẫu giáo	32		9	5		
III	Nhân viên	17	0		1	1	9
1	Nhân viên Văn thư	01			1		
2	Nhân viên Kế toán	01				1	
3	Nhân viên Y tế	0				0	

4	Nhân viên Cấp dưỡng	5					5
5	Nhân viên Phục vụ	0					0
6	Nhân viên Bảo vệ	04					4

2. Số lượng, tỉ lệ CBQL, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024 (Kết quả đạt)
1	Cán bộ quản lý	03
	Số lượng	03
	Tỷ lệ	100%
2	Giáo viên	16 (9: XL Tốt; 7: XL: Khá) gồm VCBP
	Tỷ lệ	100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025	Yêu cầu theo quy định
1	Điểm trường	1	1	
2	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	810.37 m ² /124 trê (CS 1) 556.8 m ² / 70 trê (CS2)	810.37 m ² /148 trê (CS 1) 556.8 m ² / 35 trê (CS2)	đạt
	Diện tích bình quân mỗi trê (m ² /trê)	6.54 m ² /1 trê (cs1) 7.95 m ² /1 trê (cs2)	5.5 m ² /1 trê (cs1) 15.91 m ² /1 trê (cs2)	đạt
3	Khối phòng hành chính			đạt
3.1	Phòng hiệu trưởng	01	01	đạt
3.2	Phòng phó hiệu trưởng	01	01	đạt
3.3	Phòng hành chính quản trị	01	01	đạt



3.4	Nhà vệ sinh	01	01	Phòng vệ sinh nam nữ riêng biệt.
4	Phòng chăm sóc, nuôi dưỡng (lớp học)			
4.1	Phòng học kiên cố	7	7	
4.2	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	36m ²	36m ²	đạt
4.3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	5.7 m ² /phòng	5.7 m ² /phòng	đạt
4.4	Diện tích sân chơi (m ²)	42m ²	42m ²	đạt
5	Phòng tổ chức ăn			
5.1	Phòng bếp	01	01	đạt
5.2	Kho bếp	01	01	đạt
6	Khối phụ trợ			
6.1	Phòng hội trường (phòng họp)	01	01	đạt
6.2	Phòng y tế	01	01	Có giường bệnh và thiết bị y tế phục vụ sơ cấp cứu ban đầu
6.3	Nhà kho (dụng cụ và học phẩm)	01	01	đạt

6.4	Sân vườn (tổ chức vận động; sân khấu ngoài trời)	255m ²	255m ²	đạt
6.5	Cổng, hàng rào	Có cổng an toàn, hàng rào tường bao quanh	Có cổng an toàn, hàng rào tường bao quanh	đạt
7	Hạ tầng kỹ thuật			
7.1	Hệ thống cấp nước sạch	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	Có hệ thống cung cấp nước sạch và đầu nối nước thải theo quy định	đạt
7.2	Hệ thống cấp điện	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	Đảm bảo đủ công suất và an toàn	đạt
7.3	Hệ thống phòng cháy, chữa cháy	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	Trang bị đầy đủ theo quy định hiện hành	đạt
7.4	Hạ tầng công nghệ thông tin (điện thoại; mạng internet...)	Sử dụng cáp mạng âm tường theo thiết kế thi công ban đầu.	Trang bị lại hệ thống cáp mạng bằng thiết bị wifi cho các khối lớp	đạt
7.5	Khu thu gom rác thải	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom	Có khu vực tập kết rác thải riêng và hợp đồng thu gom	đạt

		rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	rác hàng ngày đảm bảo vệ sinh	
8	Khối phòng phục vụ học tập			
8.1	Thư viện	01	01	đạt
8.2	Phòng máy	01	01	đạt
8.3	Phòng thể chất	01	01	đạt
8.4	Phòng nghệ thuật	01	01	đạt
9	Thiết bị đồ dùng, đồ chơi phục vụ chăm sóc giáo dục:			
9.1	Máy vi tính	6	6	đạt
9.2	Máy chiếu	01	01	đạt
9.3	Ti vi	7	7	đạt
9.4	Nhạc cụ (Đàn organ)	4	4	đạt
9.5	Máy photo	01	01	đạt
9.6	Đầu Video/đầu đĩa	0	0	đạt
9.7	Thiết bị âm thanh (Ampli, thùng bass)	01 bộ	01 bộ	đạt
9.8	Đồ chơi ngoài trời	2 bộ	2 bộ	đạt
9.9	Bàn ghế đúng quy cách	100 bộ	100 bộ	đạt
9.10	Thiết bị phát triển ngôn ngữ, làm quen với Tiếng	01 bộ	01 bộ	

11
R
A
I
C
11

	Anh và kỹ năng tìm kiếm thông tin cho trẻ			đạt
--	---	--	--	-----

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC:

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng tự đánh giá:

- Tiếp tục triển khai thực hiện công tác Kiểm định chất lượng giáo dục - chuẩn quốc gia theo Thông tư 19. Hội đồng tự đánh giá các tiêu chuẩn theo quy định. Có kế hoạch thực hiện các biện pháp cải tiến khắc phục điểm yếu đã xác định. Năm 2023-2024 tự đánh giá đạt 05 tiêu chuẩn, tự đánh giá đạt ở Mức 2, chuẩn quốc gia Mức 1.

Cụ thể: Đánh giá tiêu chí từ Mức 1,2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	
Tiêu chí 3.3		x	x	
Tiêu chí 3.4		x	x	
Tiêu chí 3.5		x	x	

Tiêu chí 3.6		x	x	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		x	x	
Tiêu chí 4.2		x	x	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		x	x	
Tiêu chí 5.2		x	x	
Tiêu chí 5.3		x	x	
Tiêu chí 5.4		x	x	

Kết quả: Tự đánh giá Đạt Mức 3

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định đạt chất lượng giáo dục:
(thời điểm 05/7/2022)

- Quyết định số 964/QĐ-SGDĐT ngày 05 tháng 7 năm 2022 quyết định Về việc công nhận Trường mầm non Hoa Lan, thành phố Thủ Dầu Một đạt kiểm định chất lượng giáo dục

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC:

Kết quả về thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ:

STT	Nội dung	Năm học 2023-2024	Năm học 2024-2025
1	Tổng số lớp	09 (02 nhóm trẻ; 07 lớp mẫu giáo)	07 (01 nhóm trẻ; 06 lớp mẫu giáo)
2	Tổng số trẻ nhóm trẻ	02	01
2.1	Số trẻ bình quân/nhóm	14	19
3	Tổng số trẻ mẫu giáo	166	159
2.3.13	Số trẻ bình quân/lớp	21.5	26.5
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	194	178
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	194	178
6	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	194	178
6.1	Số trẻ em được có tình trạng dinh dưỡng bình thường	187	171
6.2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	0	0
6.3	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0	0
6.4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể hại thể	0	0
6.5	Số trẻ suy dinh dưỡng thể gầy còm	0	0
6.6	Số trẻ thừa cân béo phì	07	7



7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 05 tuổi	công nhận đạt PCGD trẻ 5 tuổi 100% trẻ 5 tuổi HTCT	
8	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập	0	0

*** Chất lượng thực hiện giáo dục:**

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục trẻ đạt được	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/năm - Cân đo trẻ theo quý 3 tháng 1 lần (tháng 9, 12, 3 thực hiện tổng cân đo) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục nhà trẻ hiện hành. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 93.35%.	- 100% trẻ được khám sức khỏe 2 lần/ năm - Cân đo trẻ 3 lần/ năm học (tháng 5 phối hợp với ngành y tế “Dự án cải thiện tình trạng dinh dưỡng” quốc gia đối với trẻ trên 60 tháng) - 100% trẻ được đánh giá tình trạng dinh dưỡng và theo dõi biểu đồ phát triển - 100% trẻ được học tập theo chương trình giáo dục mẫu giáo hiện hành theo hướng phát triển chủ đề. - 100% trẻ được chuẩn bị tốt các điều kiện cho trẻ lên lớp 1 ở trường phổ thông. - Tỷ lệ chuyên cần đạt: 94.75%. Riêng trẻ 5 tuổi đạt: 95.88%. - Tỷ lệ bé ngoan đạt: 93.31%. Riêng trẻ 5 tuổi: 94.43%.
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	- Chương trình giáo dục nhà trẻ - Chủ đề thực hiện: 9 chủ đề/35 tuần - Nhà trẻ: 9 chủ đề	- Chương trình giáo dục mẫu giáo - Chủ đề thực hiện 35 tuần +Khối Lá: 13 chủ đề +Khối Chồi: 11 chủ đề +Khối Mầm: 11 chủ đề
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 24 đến 36 tháng	- Đạt từ 90% trở lên mục tiêu cần đạt cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi.

IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ..	- Cơ sở vật chất đầy đủ theo qui định hiện hành. - Đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ.
----	---	--	---

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Số TT	Chỉ số thống kê	Năm 2024	Năm 2023	Ghi chú
1	2	3	4	
A	TỔNG THU			
I	Số thu phí, lệ phí	245.340.000	303.390.000	
1	Thu học phí lệ phí	245.340.000	303.390.000	
2	Khác	-	-	
II	Thu từ NSNN cấp (dự toán giao)	5.590.000.000	3.826.802.327	
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.407.000.000	2.844.928.161	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.183.000.000	981.874.166	
B	TỔNG CHI			
I	Chi từ nguồn học phí	193.418.068	235.685.327	
1	<i>Chi sự nghiệp bậc học mầm non</i>			
a	<i>Chi 60% hoạt động từ nguồn thu học phí</i>	193.418.068	55.447.304	
b	Chi 40% bù lương từ nguồn thu học phí	-	129.145.023	
II	CHI TỪ NGUỒN NSNN			
I	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.526.645.891	2.110.271.326	
6000	Tiền lương	1.829.288.877	765.509.219	
6050	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	549.936.000	313.797.000	
6100	Phụ cấp lương	880.759.674	370.386.792	
6250	Chi khác	8.694.000	4.471.200	
6250	Phúc lợi tập thể	0	0	
6300	Các khoản đóng góp	650.868.424	293.274.844	
6200	Thưởng thường xuyên	109.848.000	0	

6400	Chi tăng thu nhập	319.950.000	184.750.000	
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	60.762.462	37.726.255	
6550	Vật tư văn phòng	5.392.000	13.588.500	
6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	20.694.454	8.558.013	
6700	Công tác phí	12.000.000	4.500.000	
6750	Chi phí thuê mướn	0	0	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí thường xuyên	22.594.400	24.752.000	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	53.020.400	81.935.000	
7750	Chi khác	2.837.200	7.022.503	
7950	Chi khác			
II	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	693.188.189	453.070.910	
6105	Phụ cấp làm thêm giờ	193.319.743	215.905.989	
6157	Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	0	0	
6400	Chi các khoản thanh toán cho cá nhân	400.748.446	187.309.921	
6750	Chi phí thuê mướn	0	8.755.000	
6900	Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng từ kinh phí không thường xuyên	6.050.000	0	
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn từng ngành	9.900.000	5.700.000	
7750	Chi khác	65.800.000	35.400.000	
8049	Chi hỗ trợ khác	17.370.000	0	

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC:

- Thực hiện hiệu quả chủ đề năm học “Xây dựng trường mầm non hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm” gắn kết với việc nâng cao chất lượng thực hiện *Chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021 – 2025”*. *Cụ thể hóa và thực hiện tốt thông điệp hành động “Xây dựng trường mầm non Hoa Lan hạnh phúc, lấy trẻ em làm trung tâm”*. Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm.

- Thực hiện hiệu quả các chuyên đề trọng tâm trong năm, chương trình “*Tôi yêu Việt Nam*” tổ chức thành công Hội thi: “*Bé tìm hiểu luật an toàn giao thông*” cấp cơ sở. Tham gia Hội thi an toàn giao thông cấp thành phố. Qua hội thi trẻ khắc sâu hơn các kiến thức đã được cô cung cấp về luật giao thông, và tuân thủ các biển báo khi tham gia giao thông trên đường.

- Kết quả học BDTX năm 2023 - 2024: CBQL hoàn thành 03/03, giáo viên hoàn thành: 13/15 giáo viên. (02 giáo viên hoãn học do nghỉ hậu sản vào tháng 9,10/2023) và đăng ký học

chương trình BDTX 2024-2025 là 03 CBQL, 13 GV (02 GV tự bồi dưỡng do nghỉ hộ sản tháng 8/2024 và 01 GV nghỉ hưu tháng 10/2024).

- Các đề tài sáng kiến nâng cao chất lượng trong công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Đạt cấp thành phố: đạt 03/04 đề tài (2023-2024). Năm học 2024 – 2025 đăng ký 10 đề tài viết và áp dụng sáng kiến.

- Hoàn thành kế hoạch đào tạo bồi dưỡng của trường: 02 giáo viên hoàn thành lớp ĐHMN, 02 giáo viên hoàn thành lớp TCCT; 02 giáo viên hoàn thành lớp Sơ cấp chính trị. Đảm bảo 02 giáo viên/lớp. Giáo viên được tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Phối hợp tốt với Ban đại diện Cha mẹ trẻ thực hiện tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ. Tổ chức tốt các ngày lễ, hội tại lớp, trường trang trọng đúng quy định. Tổ chức thành công các hoạt động cho trẻ như: chương trình Tôi yêu Việt Nam, tổ chức các hoạt động trải nghiệm ý nghĩa như tham quan doanh trại bộ đội, tham quan trường tiểu học, lễ tổng kết năm học, QTTN 1/6, tết trung thu, ngày hội đến trường của bé, lễ hội mừng xuân.... Huy động mọi nguồn lực hợp pháp để phát triển nhà trường, đạt được những kết quả theo kế hoạch vận động tài trợ để ra để nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ. Thu hút được sự tham gia của cha mẹ trẻ và địa phương vào các hoạt động lễ hội.

Thực hiện tham mưu kịp thời với địa phương, sự phối hợp chặt chẽ với các ban ngành đoàn thể của địa phương và cha mẹ trẻ trẻ trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên thực hiện Chương trình Giáo dục Mầm non; Đổi mới sinh hoạt chuyên môn; Tăng cường hình thức theo cụm, khối, tổ, nhóm, tập trung, qua mạng; bồi dưỡng kỹ năng thực hành “tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm”; Nâng cao năng lực CBQL, giáo viên ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc, giáo dục trẻ. Tham gia các hội thi cấp trường, tham gia hội thi GVDG, CD nấu ăn giỏi cấp thành phố, Ngày Hội “ Bé với sản phẩm Stem/Steam, Hội thi Bé chuẩn bị vào lớp 1 cấp thành phố).

Xây dựng và hiện kế hoạch đào tạo bồi dưỡng đội ngũ kế thừa, quan tâm đến giáo viên giỏi, trẻ; tạo điều kiện cho giáo viên cốt cán tham gia các lớp quản lý giáo dục, trung cấp chính trị, quản lý nhà nước. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp, tình thương, trách nhiệm của cán bộ quản lý, giáo viên đối với trẻ. Bồi dưỡng kỹ năng UDCNTT.

Thực hiện đúng các quy định về quản lý tài chính trong các trường mầm non; Các quy định tại Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Thực hiện Chỉ thị số 1737/CT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về tăng cường công tác quản lý và nâng cao đạo đức nhà giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 4 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non.

Triển khai các nhiệm vụ bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu; Thực hiện Quy chế công khai đối với cơ sở giáo dục theo Thông tư số

09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kì và đột xuất.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT (để b/c);
- BGH trường;
- Công khai website;
- Lưu VT./.

